

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 109/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05/12/2024

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mai Hồng

2. Ông Trần Ngọc Bích

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 05 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 408/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 839/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 10 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 839 ngày 05/11/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ông Trần Việt T** sinh năm: 1963 (*Xin giải quyết vắng mặt*)

Địa chỉ: B N, P. A, Q. N, TP ..

- Bị đơn: **Bà Lương Ngọc Á** sinh năm: 1965 - *có mặt*

ĐKTT: Số A N nói dài, P. A, Q. N, TP ..

Địa chỉ hiện nay: Số H, đường N, khu V, P. A. Q. N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Việt T xin vắng mặt và trình bày:

- Về hôn nhân: Ông bà tìm hiểu và tiến đến kết hôn vào năm 1990 có đăng ký tại xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc. Thời gian sau giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến sống ly thân từ năm 1998 cho đến nay, mâu thuẫn kéo dài, đến nay tình cảm giữa vợ chồng đã thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, sau nhiều suy nghĩ ông cương quyết ly hôn để giải thoát cho cả hai.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống ông bà có 02 con chung là Trần Lê V, sinh năm: 1989 và Trần Thanh L, sinh năm: 1995. Đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai ông Trần Việt T trình bày bổ sung:

Quan hệ vợ chồng giữa ông bà đã chấm dứt từ năm 1998, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông bị bệnh ung thư tiền liệt tuyến di căn qua phổi, phải đi đến TP . để điều trị bệnh bằng biện pháp vô hóa chất. Từ lúc ông bị bệnh bà Á không chăm sóc và cũng không thăm nom, khi điều trị bệnh, ông nhờ vào anh em ruột đã đưa ông đi trị bệnh và lo phần chi phí trị bệnh cho ông. Bà Á không chăm sóc và cũng không xuất tiền ra lo thuốc cho ông từ trước đến nay. Ông còn nợ tiền của anh em ruột, thậm chí ông có một mẹ già mà bà Á không hề đi thăm mẹ chồng, thái độ đối xử của bà Á khiến ông vô cùng buồn bã, dẫn đến tình cảm giữa vợ chồng không còn, sau khi suy nghĩ kỹ ông quyết định ly hôn. Vợ chồng ông đã ly thân 26 năm.

- *Về tài sản chung*:

- + Căn nhà B, Nguyễn Văn C, P. A, Q. N, TP . (con gái tên Thanh L đang ở);
- + Căn nhà số H đường N, P. A, Q. N, TP . (2 tầng lầu, bà Á ở tầng trên, tầng dưới cho thuê làm thẩm mỹ);
- + Căn nhà số A đường N nối dài, P. A, Q. N, TP . cho thuê;
- + Căn nhà số D đường V, P. A, Q. B, TP . đang cho thuê.

Toàn bộ tiền cho thuê nhà do bà Á thu và giữ. Ngoài ra còn có 03 thửa đất thì vào ngày 07/9/2024 ông cùng bà Á đến phòng Công chứng làm văn bản thỏa thuận giao cho bà Á sở hữu hết (đính kèm 3 văn bản). Căn nhà số A đã cho con gái là Trần Lê V đứng tên sở hữu. Khi ly hôn ông xin được chia căn nhà số B. Còn lại 02 căn nhà và 03 miếng đất giao toàn bộ cho bà Á sở hữu.

Sau khi nhận được ý kiến của bà Á - ông Trần Việt T trình bày bổ sung:

Trong thâm tâm của ông rất thương yêu vợ ông là bà Lương Ngọc Á, bà Á mồ côi cha mẹ từ nhỏ, thiếu tình thương yêu của gia đình, ông muốn bù đắp phần nào tình yêu thương đó. Từ năm 1998, vợ chồng mâu thuẫn lý do bà Á xem thường, không tôn trọng hay so sánh ông với người khác, xúc phạm, bà làm gì cũng tự quyết định không quan tâm ý kiến góp ý của ông, từ đó ông bà ly thân đến nay.

Đối với cha mẹ chồng, bà không quan tâm, không làm tròn trách nhiệm của người con. Đầu năm 2018, ông rước mẹ ông từ Cà Mau lên để tiện chăm sóc cho đến nay. Tháng 7/2022 ông bệnh ung thư di căn qua xương giai đoạn III rất nặng cần điều trị sớm và rất tốn kém tại Bệnh viện C1, vợ và con có đi theo, trong lúc giữa sự sống và cái chết và bà Á xem đồng tiền hơn sự sống, cuối cùng anh em của ông phải hỗ trợ mới có tiền để điều trị. Đến giai đoạn tạm ổn rất cần sự chăm sóc động viên của vợ, bà Á không quan tâm. Ông vừa đau thân xác vừa tu ổi thân có lúc ông nghĩ đến cái chết nhưng suy nghĩ lại ông còn mẹ già và các con, anh chị em hết mực động viên cố gắng hết sức đến ngày hôm nay. Tình nghĩa vợ chồng lúc đau ốm là phải có nhau, động viên, chăm sóc, nhưng vợ ông không làm được điều đó, hiện tại vợ chồng không còn tình cảm nữa, chỉ còn trách nhiệm với nhau, qua những sự cố trên ông và vợ không thể hàn

gắn và không thể tha thứ cho nhau.

Ông yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà Á. Căn nhà B, Nguyễn Văn C, P. A, Q. N, TP . ông mong muốn để giữ lại ở và toàn quyền quyết định khi cần. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Ông xin được vắng mặt trong buổi xét xử.

*** Bị đơn bà Lương Ngọc Á trình bày:** Sau khi nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chồng bà là ông Trần Việt T thì bà bất ngờ và hoàn toàn sụp đổ. Vì vợ chồng ai cũng có lúc cãi nhau, sau đó cũng trở lại bình thường. Ông T không ở nhà và sau đó ở luôn nhà anh chồng, tối thì ông T ngủ cùng mẹ chồng, cứ như vậy cho đến nay mặc dù mẹ chồng bà cũng có rất nhiều con cháu, có lần bà hỏi chị chồng tại sao không ai chăm bà buổi tối mà cứ phải là ông T chăm thì chị chồng bà có nói “Do hoàn cảnh em ơi” cứ như vậy, bà luôn buồn và không dám nói.

Đến năm 2022, ông T bị bệnh ung thư và đã di căn qua xương, bà vô cùng hoảng sợ, bên nhà chồng bà nói chồng bệnh thì vợ chồng con cái lo, rồi bà và con lên S lo tìm Bệnh viện cũng như bác sĩ lo cho ông T. Sau đó bệnh tình ung thư của ông T tạm ổn. Bác sĩ cho về Cần Thơ tiếp tục điều trị, có vài lần bà có nói ông T là về nhà mình để bà chăm sóc, nhưng ông T không chịu. Biết chồng mình hiếu thuận với mẹ chồng nên bà cũng không dám nói gì vì sợ bên chồng trách bà, vì thế nên bà đồng ý cho ông T ở bên nhà anh chồng chăm mẹ chồng. Hiện tại, tình cảm vợ chồng bà cũng không có gì đến nỗi không giải quyết được, bà vẫn còn tình cảm, yêu thương chồng và con, bà càng không muốn ly hôn trong hoàn cảnh chồng bà bị bệnh hiểm nghèo. Bà là người thiếu thốn tình cảm từ bé, nên bà mong con bà có tình thương của cha mẹ. Bà và ông T đã lớn tuổi, bệnh tật luôn chờ sẵn, bà yêu cầu Tòa án xem xét cho bà vì bà không muốn ly hôn, bà muốn chăm sóc bệnh tật cho chồng.

Tại các bản tự khai bà Lương Ngọc Á trình bày bổ sung: Bà vẫn giữ nguyên ý kiến là bà không đồng ý ly hôn, qua thời gian bà tự kiểm điểm bản thân, bà thấy bản thân bà không có lỗi. Chồng bà đang bệnh hiểm nghèo, nhất thời không suy nghĩ chính chắn, nhất thời nghe lời bên ngoài. Hiện tại lời nói của vợ và con ông T không nghe. Bà xin Tòa án xem xét lại trường hợp của bà, từ nhỏ bà đã mồ côi cha mẹ, bà thiếu thốn tình thương, thiếu mái ấm của một gia đình vì bà là con gia đình liệt sĩ, gia đình có 04 người: Cha, mẹ, anh, chị đã không tiếc máu xương vĩnh viễn ra đi vì hòa bình vì tự do độc lập. Mẹ bà là mẹ Việt Nam anh hùng cả nhà bà đã hy sinh cho những điều to lớn đó, vậy mà hôm nay bà phải đứng trước Tòa cầu xin được giữ lại chồng mình, cũng như xin được giữ lại thuần phong mỹ tục đạo đức tốt đẹp nhất vốn có trong hôn nhân gia đình truyền thống. Bà xin Tòa án giúp đỡ cho bà. Nếu Tòa án phán xét buộc bà phải ly hôn thì cũng chính là dùng dao đâm thẳng vào tim bà vậy, vì bản thân bà cũng như nhiều gia đình khác không ai muốn gia đình mình tan nát khi bà vẫn còn là người vợ yêu quý chồng mình, muốn chăm lo chồng lúc bệnh tật. Bà xin quý Tòa đại diện cho pháp luật mà xử lý có tình có nghĩa.

Tại biên bản về việc không tiến hành hoà giải được ngày 16/10/2024, bà Á trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà vẫn giữ ý kiến và trình bày như bản tự khai đã nộp cho Tòa án. Bà và ông T sống ly thân từ năm 2018, lý do ly thân là do ông T qua nhà anh của ông T để nuôi mẹ chồng bà nên ở riêng, hai bên không cãi nhau. Nhưng do bà còn thương chồng (ông T), bà muốn chăm sóc ông T giai đoạn bệnh, bà thấy bà không có lỗi với chồng, nên không đồng ý ly hôn.

- *Về tài sản chung:*

+ Đối với ý kiến của ông T về việc căn nhà B N, P. A, quận N, TP . phía ông T mong muốn giữ lại ở và toàn quyền quyết định. Bà Á có ý kiến như sau: Đây là tài sản chung của hai vợ chồng, mỗi người $\frac{1}{2}$ tài sản nhưng bà có nguyện vọng sau này để lại cho 02 con gái, để thờ phụng cha mẹ khi qua đời. Hiện nay, hai vợ chồng con gái Trần Thanh L đang quản lý, sử dụng. Bà không đồng ý để ông T toàn quyền quyết định. Nhưng bà đồng ý cho ông T về ở một mình, với điều kiện không ở chung với người phụ nữ khác. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung nêu trên.

+ Đối với các tài sản đã chia theo Văn bản thoả thuận ngày 07/9/2024 tại Văn phòng C2 tại thửa đất số 843, 171 và thửa 39 mà ông T nộp cho Tòa án, bà có ý kiến: Đây là tài riêng của bà, không phải tài sản chung của bà và ông T. Những tài sản riêng của ông T thì bà hoàn toàn không biết. Không yêu cầu Tòa án giải quyết các tài sản nêu trên.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn ông Trần Việt T vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến gì thêm.

- *Bà Lương Ngọc Á trình bày:* Bà vẫn giữ ý kiến như nội dung các bản tự khai, bà không đồng ý ly hôn. Do bà còn thương ông T, do ông T bệnh nên bà muốn chăm sóc cho ông, bà có đến thăm và lo cho ông T nhưng ông không chịu và không đồng ý về sống chung để bà lo cho ông. Bà có quan tâm đến ông T nên đã đề nghị ông lên S điều trị bệnh để tốt hơn. Hiện nay ông bà đã lớn tuổi, đã ly thân khoảng năm 2018 là do ông T qua nhà anh của ông T sống để lo cho mẹ ông T. Giữa bà và ông T ít chia sẻ nói chuyện với nhau. Mâu thuẫn giữa bà và ông T không nhiều nên không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Trần Việt T và bà Lương Ngọc Á kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau nên xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh khi có yêu cầu. Quá trình chung sống, ông T và bà Á phát sinh mâu thuẫn nên ông T nộp đơn xin ly hôn nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp ly hôn*”. Bị đơn cư trú tại

quận N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2/Về thủ tục tố tụng:

Toà án triệu tập họp các đương sự tham gia phiên toà lần 1 vào lúc 14 giờ ngày 05/11/2024 nhưng bị đơn bà Lương Ngọc Á có đơn xin hoãn phiên toà để bà và ông T trao đổi thoả thuận với nhau để hàn gắn tình cảm nên Toà án hoãn lại. Phiên toà lần 2 được ấn định lại vào lúc 14 giờ ngày 05/12/2024 nhưng nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3/Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nhận thấy, ông T và bà Á tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 02/3/2009. Ông bà chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo ông T thì nguyên nhân mâu thuẫn là do ông và bà Á bất đồng quan điểm sống, bà Á không tôn trọng ông, ông không có tiếng nói trong gia đình, bà không có sự quan tâm chăm sóc lo lắng cho ông lúc bệnh và bà không làm tròn bổn phận của người con, tình cảm vợ chồng không còn. Năm 1998, ông và bà Á đã sống ly thân đến nay. Nhận thấy, ông và bà Á sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nay ông xác định ông không còn tình cảm với bà Á, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên ông xin được ly hôn với bà Lương Ngọc Á.

Bà Lương Ngọc Á cho rằng mâu thuẫn giữa bà và ông T không lớn, bà thừa nhận giữa bà và ông T đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Ông T và bà sống riêng là do ông T rước mẹ chồng lên chăm sóc nên ông T ở bên nhà anh của ông T nên không còn ở chung nhà với bà. Bà cho rằng lúc ông T bệnh, bà và con có lên bệnh viện thăm lo cho ông T, bà có kêu ông T về nhà để bà lo cho ông T nhưng ông không chịu. Bà còn thương ông T nên không đồng ý ly hôn, bà mong muốn được giữ lại chồng (ông T), để con bà vẫn còn có cha mẹ, để bà được chăm sóc ông T lúc bệnh cuối đời.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa ông T và bà Á đã rạn nứt. Nhận thấy, Toà án đã tạo điều kiện về mặt thời gian để bà Á và ông T hàn gắn tình cảm nhưng không đạt được thoả thuận. Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông bà là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc, tôn trọng lẫn nhau, hôn nhân đã chấm dứt trên thực tế, ông bà sống ly thân với nhau đã lâu. Bà Á cho rằng còn thương ông T nên không đồng ý ly hôn nhưng sau khi nhận được ý kiến trình bày của bà Á, phía ông T không đồng ý hàn gắn tình cảm, tình cảm của ông T dành cho bà Á không còn, xin giải quyết vắng mặt, đồng thời ông T vẫn giữ ý kiến và yêu cầu ly hôn.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nếu tiếp tục kéo dài cũng

không đem lại hạnh phúc cho ông T cũng như bà Á nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Việt T.

- *Về con chung*: Ông bà có 02 con chung là Trần Lê V, sinh năm: 1989 và Trần Thanh L, sinh năm: 1995. Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Ông bà có các tài sản như đã trình bày, ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Khi nào có yêu cầu và phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- *Về nợ chung*: Ghi nhận lời trình bày của ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Khi nào có yêu cầu và phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn ông Trần Việt T thuộc trường hợp được miễn án phí hôn nhân sơ thẩm, do ông thuộc trường hợp người cao tuổi (trên 60 tuổi).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Việt T.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trần Việt T được ly hôn với bà Lương Ngọc Á.

- *Về con chung*: Các con chung gồm Trần Lê V, sinh năm 1989 và Trần Thanh L, sinh năm 1995 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Khi nào có yêu cầu và phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- *Về nợ chung*: Ghi nhận lời trình bày của ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Khi nào có yêu cầu và phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn ông Trần Việt T thuộc trường hợp được miễn án phí hôn nhân sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng*

cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP . Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Ninh Kiều;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q . Ninh Kiều;
- Ủy ban nhân dân xã Thanh Tùng,

huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau;

- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Yến Nhi